

BIỆT TRUYỆN VỀ SA-MÔN HỘ PHÁP ĐỜI ĐƯỜNG LÀ NGÀI PHÁP LÂM

*Kinh Đô, đạo tràng Hoàng Phước,
Thích Ngạn Tông soạn tuyển.*

QUYỂN HẠ

Đức Uy v.v... lại hỏi Pháp sư rằng:

Phần thứ sáu của luận có nói: Trang sức y phục của Đạo nho gây nên họa hoạn cho nhà Tống. Giữ xiêm y mà con cháu nhà Tấn bị đọa bại. Đội mũ đai mà nhà Nam Trịnh phản Hán. Treo cờ phướn mà các nhà bị tru diệt. Nhưng bày biện đủ các loại mũ lớn, mũ nhỏ, bắt đầu từ đời Hán mà hưng thịnh xưa nay. Khăn mào đây là pháp phục của mọi thời đại. Cái đai, cái hốt là cách ăn vận quan trường của kẻ sĩ. Đó là trang phục như Vân-la. Còn Đạo sĩ y phục cũng đồng với các vị Tiên là các loại sa nhiều như sương.

Cho nên biết dấu vết có thể tìm trong ba chi chẳng xa. Phong tục có thể đón rước bát quế cũng không xa. Cho nên Tiêu sử hòa hảo là ngựa phụng xe loan của nhà Tần. Thục Khanh mệnh mang là xe hai trắng của nhà Hán. Như vậy mà cho là bại nước phá nhà sao?

Pháp sư đáp rằng:

Pháp Lâm có nghe “Tiếng điều vang Thuận, hình ngay bóng thẳng, không bao giờ thấy dùi lửa mà được nước, trồng đậu mà sanh ra lúa. Cho nên Tô Tần, Trương Nghi gặp nhau ở nơi hang quý. Mỗi bên đều lấy sự dối trá làm đầu, đều ra mắt Mẫn Vương ở cửa Khổng, đều nêu đức hạnh làm đầu. Cho nên biết tu theo sự giáo hóa của nhị thiên thì nhiệm mầu vô vi, thực hành theo phong cách của Tam Trương, đây là đầu mối mưu loạn. Vì sao? Vào thời Thuận Đế nhà Hậu Hán, có Trương Lăng người đất Bái, là khách viễn du tới đất Thục, nghe các vị già nua truyền với nhau:

Xưa Hán Cao Tổ ứng theo hai mươi bốn khí, nên cúng tế hai mươi bốn ngọn núi, mà làm vua khắp trong nước.

Trương Lăng chẳng xét đức độ mình, mà muốn bắt chước theo

đây, giết bò cúng tế hai mươi bốn chỗ. Làm đàn đất trên nhà cỏ. Làm hai mươi bốn cái Trĩ Quán. Trĩ Quán sanh khởi cũng từ đây. Hai mươi ba chỗ ở đất Thục, một chỗ Y Hy thì ở Hàm Dương. Bấy giờ luồng dụ ngu dân, chiêu vờ nhóm họp bọn hung đảng, mưu thâm thuốc ruộng làm loạn triều đình. Bấy giờ bọn kia không có điều nghịch ác nào mà không làm. Cháu của Lăng là Trương Lỗ, bắt chước thực hành theo, đến đời Hậu Hán tự xưng là Sư Quân, gây họa loạn ở các nơi nổi dậy, bị Tào Công tiêu diệt. Lại vào niên hiệu Trung Bình thứ nhất, có người ở Cự Lộc tên Trương Giác, tự xưng là Hoàng Thiên bộ sư, có ba mươi sáu vị tướng, đều đội khăn vàng. Từ xa cùng với Trương Lỗ tiếp ứng nhau. Quân đến mười muôn người, thiêu đốt thành Nghiệp. Hán Đế mới sai quân ở Hà Nam tiến đánh, quân tướng đều bị tiêu diệt.

Lại, vào niên hiệu Hàm Ninh thứ hai (277) đời vua Vũ Đế nhà Tấn. Có Đạo Sĩ Trần Doan mê hoặc mọi người bằng Tả đạo, tự lấy hiệu là Thiên sư, đồ đảng cả mấy ngàn, trải qua nhiều năm tháng rồi cũng bị Quan Thứ sử Ích Châu là Vương Tuấn giết chết.

Lại vào niên hiệu Đại Hòa thứ nhất đời vua Văn đế nhà Tấn. Ở Bành Thành có Đạo Sĩ là Lô Tùng, tự xưng là Đại Đạo Tế Tửu, dùng tà thuật để mê hoặc dân chúng, tụ họp đồ đảng, hướng về mặt trời để xem chiêm bói ngày giờ. Công Quảng Hán Môn chép: “Tây Công ở Nghinh Hải, Hoàn bí” ở trong điện lúc ấy.v.v... Rồi cùng triều đình giao chiến mà bị giết chết.

Lại vào niên hiệu Đại Đồng thứ năm (540) đời vua Lương Vũ Đế có Đạo sĩ tên Viên Cãng, dùng lời yêu mị để mê hoặc dân chúng làm những điều tà mị phản trắc rồi cũng bị Quan quân theo bắt giết chết.

Lại vào niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (590) đời vua Tùy Văn Đế, ở huyện Xương Long thuộc Miên Châu có Đạo sĩ Bồ Đồng, cùng với hai vị Tả Đồng ở tại quán Băng Khê, tự xưng là đã chứng quả Thánh, lừa dối dân chúng, Y làm một cái giường lớn ở trong phòng, ngồi trên đó mà nói rằng:

Đồng nữ mười lăm tuổi mới có khả năng thọ pháp. Rồi bảo người nữ lên giường, che màn chung quanh mà làm điều gian tặc. Như thế trải qua mấy tháng, sau sự việc bị phát giác, nhân đó mà phải trốn đi.

Lại vào niên hiệu Khai Hoàng thứ mười tám, ở Ích Châu có Đạo sĩ tên Hàn Lăng; ở Miên Châu có Đạo Sĩ Hoàng Nho Lâm, mê hoặc vua Thục làm cho sanh ra những việc ác nghịch, cho rằng: Muốn làm được việc lớn phải nhờ duyên tốt. Bèn tâu vua Thục đem hết kho lẫm ra, tạ được pho tượng cao một ngàn thước, thiết lễ trai tăng một ngàn ngày;

họa hình Tiên Đế, bó tay và đầu lại rồi dùng chú ếm. Quan Công ở Hà Bắc là Triệu Trung Khanh, kiểm soát biết được sự thật, bèn bắt đem về kinh thành, tra hỏi nhận tội rồi bị hành hình tại chợ.

Gần đây, vào niên hiệu Vũ Đức thứ ba, ở Miên Châu huyện Xương Lăng có Lý Vọng cùng với Hoàng Lão thường làm các việc yêu tà, ra đi vào những năm cuối niên hiệu Đại Nghiệp.

Có Đạo Sĩ là Bồ Tử Chân, dùng tà thuật yêu mị, bị bắt đưa đến Đông kinh. Nhưng đi đến Lương Hán thì chết, nên an táng ở đó.

Vậy mà Lý Vọng lại nói bịa rằng:

Tử Chân gần đây đã trở lại ở bên cạnh ngọn núi của huyện kia, có một hang đá, trong hang núi vắng vẻ, người không thể thấy được. Lý Vọng lấy đó là cơ để làm những điều yêu hoặc. Ở chỗ sáng thì nói lớn lên là đã đại ngộ, lãnh nạp sự truyền thừa. Ở chỗ tối thì xưng khí tiểu thanh, dối nói những điều họa phúc.

Rồi khiến các Đạo Sĩ đi khắp nơi truyền nói đến tận các châu huyện. Quan quân lúc đầu có kiểm tra, thấy đều tin theo.

Sau có Quan Thứ Sử là Lý Đại Lễ nói rằng:

Việc này chẳng thể xem thường, cần phải tấu trình, cần phải kiểm nghiệm mới định được tội ấy.

Bèn cùng với các Quan ở các châu huyện, cùng với Đạo sĩ hơn một trăm người cỡi ngựa đến nơi hang đá; cùng bái lễ cầu thỉnh.

Lý Vọng bèn dối đáp rằng:

Người nghe phải lắng tâm, duy hướng về huyện Ba Tây, thì được vui vẻ ở đời.

Rõ được cơ tình thì biết đây là dối trá. Bèn đi vào trong am thất để hầu. Thấy Lý Vọng đang làm trò tà mị, mọi người quở trách. Lý Vọng liền chịu tội. Quan bắt về giam ở ngục để định tội. Trải qua mấy ngày thì uống thuốc độc mà chết.

Thế nên biết, làm các việc trái lý, tà đạo làm rối loạn dân chúng, cho điều này là đáng tin. Bọn giặc đội mũ vàng hưng khởi ở Cự Lộc. Lấy sách tà mị ra giảng nói mà nói là phục tượng vân la, cho lời này là đúng. Y phục thì đồng với Vũ Hộc, không gần gũi với nhân tình. Đi thì có ngựa xe, thân thì mặc áo vải bố. Có xe loan ngựa phượng, đầu đội khăn da. Đó là bọn Bạch Thạch Xích Tùng, đều chẳng phải quỷ tốt. Lại xem các việc Thiên văn đời nhà Chu của Lý Đàm, phục sức đồng với Nho Mặc. Xem ngày đoán giờ thời nhà Hán có Hoàng Cân, noi theo Đạo sĩ Bá Dương bái yết triều đình rồi đem cờ phướn mà làm quy tắc. Tục lệ này cần phải từ bỏ.

Đức Uy v.v... lại hỏi: Phần thứ bảy của luận có nói!

Kiến An cảm mộng mà lành bệnh, Văn Tuyên Giáng linh mà hết đau. Ngô Vương vây chùa mà Xá-lợi phát sáng, Tề chúa bị hành hình, dao liền gãy từng khúc, Vũ Văn hủy táng mà bị thương tổn, Thác Bạt phế chùa mà bị đổ máu. Tôn Hạo làm như tượng bị đau đớn chỗ kín, Hách Liên dữ dằn ngang tàng mà bị sét đánh chết. Dẫn chứng các việc rõ ràng ra đây, họ đều là các vị Đế vương, đầu thế bồng chốc quy tâm mà có thể tiêu trừ các bệnh khổ đau. Rồi vì một chút bồng nhiên phá hủy mà làm cho nước mất, thân chết sao? Bậc Đế vương mà làm điều sai trái thì tự chuốc lấy vận số ngắn ngủi. Việc hưng suy của Hoàng Vương cũng chẳng phải do lòng tin hay hủy báng. Vì sao lại vọng bày ra các điều họa phước quỷ thuật yêu mị, căn cứ vào đây mà luận tội thì không thể quả trách được.

Pháp sư đáp rằng: Kinh Dịch có nói!

“Thiện dư khánh, ác dư ương” (làm lành thì vui, làm ác gặp nạn).

Kinh Thư cũng nói:

“Thiện ác chi báo đồng hô ảnh hưởng” (Quả báo của thiện ác, giống như vang theo tiếng, bóng theo hình)

Thế nên lúc văn võ thành khang, mà việc trị đạo được yên bình. Vào hai đời Tần, Hoàng đối xử tàn khốc với dân chúng trong nước. Do đây mà lộc nước ngôi vua chẳng bao lâu bị đứt đoạn, sách vở nói nhiều há lại quan hệ tới vận số. Hướng chi Phật được xưng tụng là đấng điều Ngự, tôn quý nhất trong ba cõi. Tăng được gọi là phước điền, bốn loài sanh đều tôn trọng. Lẽ nào có sự cung kính khát ngưỡng mà phước lại không có, còn hủy diệt tiêu trừ lẽ nào không vơi lấy tai họa. Trước đã lược qua sự báo ứng đối với bọn tà đạo. Khiến cho người nghe hiểu mà không bị lầm lạc. Như bọn Văn Tuyên, Kiến An, cùng dòng với Ngô Vương, Tề Hạo và cùng với Thác Bạt, Vũ Văn, Hách Liên, Tôn Hạo. v.v... chứng tích về thiện ác truyện ghi đầy đủ, rộng như các việc chứng nghiệm, cảm ứng đã nói. Vả lại thiện ác lý số đều rõ ràng, khuôn phép lưu truyền treo cao như mặt trời mặt trăng, đủ khiến cho người làm ác thấy đó mà tu tỉnh, kẻ hèn yếu biết mà trở về. Thấy người hiền đức suy nghĩ mình phải sánh bằng; mê lầm tự hiểu.

Pháp Lâm chỉ nói lại một phần nào đó mà thôi. Lời nói cạn cợt không thể bày hết ý được. Cho nên nay Thánh Thượng khâm minh, tâm trở về nẻo giác. Đo vườn Trúc mà xây dựng phạm vũ. Đốn rừng cây Thái tử Kỳ-đà mà lập thiền am, tạo tôn tượng Vô Trước mà hàng phục

chúng ma. Ân đức sâu rộng đến bờ Mã Minh, đạo trùm đủ cả gò Long Thọ. Phàm làm người ai mà không được thấm nhuần ân đức, Pháp Lâm há dám vọng bày hư dối yêu nghiệt mà làm lầm hại cho nước nhà. Chỉ vì đối với bọn Trọng Khanh, mà soạn ra luận này.

Đức Uy v.v... lại hỏi:

Phần thứ tám của luận có nói rằng: Có ra các đạo tà giáo là thật có vậy, như nai ngựa hình thù khác nhau, người Tần thì tạo ra các hình chất dị kỳ. Tục lệ của người Lỗ thì mê lầm hình dung. Muốn mở bày cho người sau, biết được các điều luống dối. Nhưng “Tử khí phù Quan” Y Hy khơi dậy chỗ sâu xa của hai thiên, trâu xanh ra khỏi phạm vi, Lão Tử trình bày chỗ vi diệu trùng huyền. Vì thế Cảnh Văn nhà Hán, tu trì không biếng nhác, vua ta là người nối gót, phải tự nương theo mà thực hành. Nay bèn hủy báng cuộc sống phù hoa ở cõi này. Xem xét sự gian dối cho nên nhà Vũ thấy đây mà rơi lệ.

Nay Thánh thượng thân mưu, đạt được bốn thông ở nơi sáu hợp. Dem đạo cả soi sáng khắp nhân gian. Bỗng nhiên loài nai ngựa làm hại chốn thần minh. Loài Lân xạ ghen ghét bậc hiền triết. Như vậy thì ai mà nhẫn được, ai có thể dung hòa được.

Pháp sư đáp rằng: Lâm có nghe!

Ngựa trắng đi về hướng Đông. Tam Tạng từ đây mà sanh ra, trâu đen đi về hướng Tây. Nhị Thiên từ đây mà hưng khởi. Hoặc mở rộng đạo nhiệm mầu để hóa độ dân chúng. Hoặc nói tỏ không không mà cứu vật. Nghiệm xét dấu tay trong đồ điệp thì có thể biết. Cho nên mở mang hiển tông rốt cùng cũng ở đời này. Đạo Phật phiên dịch thời đại rõ ràng. Văn sử điển chương lưu lại đầy đủ cho lê dân không còn mê lầm. Còn sách vở Đạo gia thì không rõ ràng. Duy có Nhị Thiên của Lão tử thì đích thân Lý Đàm mở mang. Còn các kinh giáo khác thì chế tạp rất phàm tình. Vì sao? Vì thời Tiên Hán có Vương Bao soạn ra Đồng Huyền Kinh. Thời Hậu Hán có Trương Lăng soạn Linh Bảo Kinh và sách của Chương Tiểu Đẳng Đạo có hai mươi bốn quyển. Đời nhà Ngô có Cát Hiếu Tiên soạn ra Thượng Thanh Kinh; đồng thời có Đạo sĩ Vương Phù soạn Minh Uy Hóa Hồ Kinh. Lại có Bão Tĩnh soạn Tam Hoàng Kinh, về sau đổi thành Tam Thanh Kinh. Đời Tề có đạo sĩ Trần Hiến Minh soạn “Chân Thiệp Hư Kinh” sáu mươi bốn quyển. Nhà Lương có Đào Hoàng Cảnh soạn Đại Thánh Kinh và Chương Tiểu Nghĩa mười quyển. Về sau, thời Chu Vũ Đế diệt Nhị giáo, thì Tiên Đạo sĩ ở Hoa Châu là Trương Tân, được ban chiếu cho làm chức Thứ sử châu này.

Tiên Đạo sĩ ở Trường An là Tiêu Tử Thuận tên là Đạo Kháng

được chọn vào khai phủ giữ phong lệnh. Tiền Đạo sĩ Mã Dực, cùng với bốn người là bọn Lý Vận làm biệt giá ở Ung Châu. Niên hiệu Thiên Hòa thứ năm, các vị này đến chùa Thủ Chân ở trong cố thành ở Hóa Châu, nắm giữ hết kinh Phật rồi soạn ra Đạo gia ngụy kinh hơn một ngàn quyển. Bấy giờ người ở huyện Vạn Niên có người đòi trang hoàng kiểu cách nhưng lại vụng về, chỉ làm trò cười cho người mà thôi.

Gần đây như vào những năm cuối niên hiệu Đại Đồng có Ngũ Thông Quán Đạo sĩ là Phụ Tuệ Tường, ba năm không nói, nhân đó liền đổi kinh Niết-bàn thành Trường An Kinh, đương thời bị câu thúc không cho đem ra khỏi cửa thành, người trong nhà thấy bên trong mặc áo vàng bên ngoài giữ lại, phát sanh việc sửa đổi kinh điển. Việc bị phát giác bị Quan Thượng Thư Vệ Văn Thăng tâu lên triều đình; kẻ ấy bị chém ở ngoài cửa Kim Quang, bọn tai mắt cũng đều bị cả.

Lại ở trong “Tiểu Đạo Luận” của Chân Loan nói rằng:

Đạo gia vọng chú giải các sách của trăm nhà hiền triết, có ba trăm năm mươi quyển để làm Đạo kinh, lại làm “Huyền Đô Mục Lục” lại vọng lấy tên sách Nghệ Văn Chí, chú giải thành tám trăm tám mươi bốn (884) quyển làm Đạo Kinh.

Nói theo đây thì, đủ thấy sự luống dối vô cùng. Cho nên đời đời xuyên tạc luống dối quá nhiều. Người người ngụy soạn ra văn chương sách vở cũng không ít. Pháp Lâm lại xét, vào niên hiệu Chánh Quang thứ nhất (520) đời Hậu Ngụy. Hiếu Minh Đế vời Đạo sĩ Thanh Thông Quán là Khương Bân cùng với chư Tăng chùa Dung Giác cùng đối luận.

Khương Bân vọng dẫn Khai Thiên kinh nói rằng:

Thiên sư Trương Lăng soạn ra kinh này. Minh Đế mới sai Quan Thái Úy Đan Dương là Vương Tiêu, quan Tán Kỵ là Thường Thị Ôn Tử Thăng v.v... Tất cả là một trăm bảy mươi người, cùng bàn luận rằng:

Lão Tử chính đã soạn Văn Ngũ Thiên. Đem dấu ở sa mạc mà không nói. Chúng thần đã bàn luận Khương Bân đây quả có tội mê hoặc dân chúng.

Vua nói:

Khương Bân đã nói lời yêu hoặc, thì đem giam vào ngục đợi xử trăm.

Lại xét, vào niên hiệu Vĩnh Bình thứ mười bốn (năm 72) đời vua Minh Đế thuộc Hậu Hán có Đạo sĩ Chử Thiện Tín cùng với sáu trăm chín mươi (690) người nghe Phật pháp truyền đến Lạc Dương bên thính cầu luận chiến. Rồi đem hết kinh thư của Đạo gia, hợp thành ba mươi

(30) bộ, bảy trăm bốn mươi bốn (744) quyển, tựu trung có năm trăm lẻ chín (509) là của Đạo Đức kinh còn hai trăm ba mươi lăm (235) quyển là sách của các nhà hiền triết.

Lại xét trong “Tấn Cát Hồng Thần Tiên Truyện” nói rằng:

Lão giáo có pháp làm tiêu lửa để độ đời, gồm có chín trăm ba mươi (930) quyển. Các sách phù thơ có bảy mươi (70) quyển. Tổng cộng là một ngàn (1000) quyển.

Lại xét, vào niên hiệu Thái Thủy năm thứ bảy (472) đời Tống có Đạo sĩ Lục Tu Tĩnh đáp lời vua với Minh Đế rằng:

Kinh sách của Đạo gia gồm Dược phương chú Phù Đồ v.v... tổng cộng có một ngàn hai trăm hai mươi tám (1228) quyển, một ngàn không trăm chín mươi (1090) quyển đã được lưu hành ở đời, còn một trăm ba mươi tám (138) quyển thì vẫn giữ ở cõi trời.

Nay lại xét trong “Huyền Đô Kinh Mục Lục” nói rằng:

Theo Mục Lục của Lục Tu Tĩnh người Tống thì nay nên nói là có sáu ngàn ba trăm sáu mươi ba (6363) quyển v.v... hai ngàn không trăm bốn mươi (2040) quyển thấy có bốn này. Còn bốn ngàn ba trăm hai mươi ba quyển thì chưa thấy có bản.

Như thế xem xét tỉ mỉ lại các sự tích thì có thể biết, do sự gian dối này mà các sách sử bực khởi ra nhiều. Nếu theo lời luận bàn của Tiêu Ôn, thì Đạo Đức kinh chỉ có hai Thiên, như so sánh với thời Hán Đế thì phải là bảy trăm (700) quyển. Theo thuyết của “Cát Hồng Thần Tiên” thì chỉ có một ngàn, theo mục lục của Tu Tĩnh thì hơn trước chín mươi quyển. Còn theo “Huyền Đô Kinh Lục” thì đời đời rất nhiều. Trước sau đã khác nhau, đủ thấy các việc luống dối rõ ràng vậy.

Tăng thêm số quyển cho đủ thiên chương. Rồi y theo đó hủy báng kinh Phật, sửa đầu đổi đuôi. Hoặc tự bịa ra danh từ sông núi, mà xưng lên là “Tiên Động Phi Lai”. Làm sao để tự biết mà bậc anh hùng hiền giả không thấy. Xin hỏi các bậc Đạo Sĩ đương thời, xem xét hết các kinh sách soạn ra sau này, sách nào là Thiên Tôn nói thêm. Nếu phải của Lão Tử nói thì phải có chứng cứ thời gian, không gian. Ở niên đại nào, nước nào, năm nào, tháng nào? Nếu có căn cứ rõ ràng thì cho lưu hành. Nếu là nói dối thì phải đốt bỏ. Nay Minh Triều trị thế, che khắp trăm quan, Thánh Thượng ngự giá ứng triều cả ngàn năm, nên mới muốn rộng truyền ngữ giáo, dứt bỏ các sách yêu tà gian dối. Thuật lại chín trù, mở mang di huấn của yếu đạo. Nhưng vì bọn Hoàng Cân không hiểu biết chẳng rõ chân ngụy. Vì bọn đạo sĩ không phân biệt được phải trái. Cho nên mới mượn chuyện của người nước Lỗ để so sánh với người

nước Tần. Nếu voi rồng ngựa của trời đất mà có thể tung hoành trong trời đất. Lý hẩn không rõ ràng, làm sao bị trách.

Đức Uy, v.v... thu thập các điều Pháp sư trình bày, rồi đến ngày rằm tháng mười một thì làm cáo trạng đầy đủ tâu lên nhà vua. Nhà vua đích thân xem qua và hỏi:

Trẫm vốn nghĩ đến Lão Đam. Thời Đông Chu thì ẩn đức, cuối đời thì tiếp nối. Khởi nghiệp từ Lũng Tây, mở mang Đại Đạo thành Đạo Nguyên, tùy nghinh tiếp mà không đo lường được. Đàm luận điều thượng đức làm đức mẫu; thấy nghe nhưng không biết. Ôm cả bốn tượng để vận hành. Bao gồm cả nhị nghi mà nuôi dưỡng. Đã không được mà xưng vậy. Tin theo nhật dụng mà không biết. Trẫm sở dĩ tôn trọng Tổ phong là trên muốn nêu cao Đạo Nhất thừa, lấy căn bản để giáo hóa, Vì sao lại cho là ngụy tạo thầy trò, dối bày các việc trước sau, không nói thì chết, có nói thì sống.

Pháp sư đáp rằng:

Lâm nghe Sư kinh đối đáp với Văn Hầu rằng! Vua Nghiêu Thuấn chỉ sợ không nói. Vua Kiệt, vua Trụ chỉ sợ lời nói.

Lại có Đông Phương Sóc đáp lời Vũ Đế rằng:

Thần sống cũng nói, mà chết cũng nói. Nay Lâm theo lời dặn của vua Nghiêu vua Thuấn! Làm sao để được vô ngôn đây.

Lâm có nghe:

Thác-bạt-đạt-xà, đời Đường dịch là Lý Dân! Họ Lý của Bệ Hạ là mầm chứ chẳng phải là trụ cột dòng dõi ở Lũng Tây.

Còn xét họ Lý của Lão Đam do Mục mẫu sanh ra. Nếu căn cứ ở Lũng Tây đó đều là con cháu của hàng tội tở.

Vì sao trong Đôn Hoàng Bảo Lục nói rằng:

Đời vua Hoàn Vương năm thứ ba mươi chín, lúc rãnh rỗi vua cùng với các quan cả đêm luận bàn chuyện xưa nay.

Vua nói:

Cha của Lão Đam là người như thế nào?

Quan thái thú Thiên Thủy là Thác Tuy đáp rằng:

Cha Lão Đam họ Hàn, tên Kiên, tự là Nguyên Ty. Lưng gù hai chân khô đét. Ở trong thai đã không có tai, một mắt nhìn không rõ. Một mình đi xin ăn, tới năm bảy mươi hai (72) tuổi không có vợ, giao hợp với một người phụ nữ hàng xóm ở nơi đồng hoang mà sanh ra Lão Tử.

Lại trong “Vương Kiệm Bách Gia Phổ” nói rằng:

Họ Lý đó, từ thủy tổ về sau là Cao Diêu, làm lý Quan cho vua Thuấn, nhân đó mà lấy làm họ, xưng là họ Lý. Họ Lý sanh ra từ thời

Lão Đàm vậy. Vì hạ sanh ông ở dưới gốc cây Lý nên mới lấy họ Lý. Đến thời Hán Thành Đế có Lý Ẩn chống cự triều đình nên bị giết chết. Đồ đảng dòng họ của người ấy bị bắt đến Trương Dịch giữa đường thì bị chết. Bọn nô lệ đem giữ ấn thọ mũ của người mà được làm quan. Cho nên họ Lý ở Lũng Tây được sanh khởi lên từ đây.

Lại, Lão Tử nói rằng:

Ta không dám làm người đi trước của dân chúng trong nước. Cho nên mới soạn ra lời di huấn Ngũ thiên.

Lại nói:

Không cạnh tranh với muôn vật; ở trong chỗ làm ác của mọi người, đã không cạnh tranh với muôn vật, lại không dám làm trước. Nhún mình mà suy tôn người. Mềm mỏng nhún nhường.

Trong Lão Tử Tây Thăng Kinh lại chép:

Ở Kiên Trúc có Cổ Hoàng Tiên sanh chính là thầy của ta, mãi mãi thường còn, ta nay cũng noi bước theo đó.

Lại trong Phù Tử nói rằng:

Thầy của Lão Tử hiệu là Thích-ca văn.

Trong “Doãn Hy Nội Truyện” nói rằng:

Lão Tử nói! Vua muốn xuất gia, thầy của ta hiệu là Phật, giác ngộ cho tất cả chúng sanh. Hiện giờ đang thọ Thiên Đế thỉnh thực. Khi trở về sẽ truyền giới cho vua và các quan. Trộm nghĩ Thác-bạt đời Nguyên Ngụy, là vua ở Bắc Đại đến núi Xà-đạt-hệ-âm.

Trong Quý Chung Kinh chép: Đem vàng mà đổi đá, đem lụa đổi lấy vải bố. Như bỏ vợ quý mà thông dâm với tôi tớ. Bệ hạ cũng như người này vậy. Bỏ Bắc Đại mà nhận lấy Lũng Tây.

Lại Lão Tử sanh vào cuối đời vua Chu là Cơ Quý (520 trước Tây lịch). Thích-ca đản sanh vào đầu nhà Chu, cách nhau hơn mười đời vua, trải qua hơn hai trăm năm; lấy đây mà suy nghiệm vậy; trước sau đều hiển nhiên; có thể khám xét rõ ràng ở nơi văn chỉ. Cúi mong Bệ hạ, hiếu sanh mà ghét sự giết chóc, không sát hại cả loài trùng cá. Cứu người nghèo khổ, ơn nhuần cả loài thảo mộc, đồng với đời Tam Hoàng chỉ dạy mà không giết. Đồng với thời Ngũ đế, có quân mà không ra trận. Nếu Bệ hạ lấy việc này mà giận dữ, thì trăm muôn lần cũng không đủ để thỏa tình. Nếu bệ hạ chứa nhóm ân đức hằng năm, thì một lời nói có thể để lại cho con cháu đời sau.

Lúc này, vua nghe liền nổi giận, trợn mắt lại hỏi Pháp sư rằng:

Trẫm nghe Tông tổ nhà Chu thề bỏ hết các dị tánh về sau. Tôn tổ trong người thân thật là do tiên cổ. Vì sao lại chạy theo chỗ dở mà

dứt bỏ hết hai đầu. Hãy dẫn chứng ra đây đủ những lời tương tự, tội ác chồng chất so với đây còn nhẹ. Đem hết giấy bút để ghi lại thì vẫn không hết cái tội hủy báng Tổ tông, Tiên nhân của trăm. Như thế này thì lý không thể tha thứ.

Pháp sư đáp:

Pháp Lâm nghe! Văn Vương là bậc đại thánh, Chu Công là bậc đại hiền, nhờ việc xa xưa mà cẩn thận lúc lâm chung, vói lên trời cao cũng không đáp thì lòng hiếu để soi thấu cả thần minh. Tuy là có trong Tông tộc nhà Chu, mà nghĩa không tranh ngôi thứ. Vì sao? Vì hoàng thiên không gân gũ, duy có đức giúp mình. Người xưa theo lý mà không theo tình thân. Không tự ở trước ta mà cũng không ở sau ta. Không vì người sơ mà không ban thưởng, mà thưởng người có công. Không vì thân mà không trị tội. Trị những người có tội.

Cúi mong Bệ hạ! Đạo rộng khắp mà chiếu sáng rực rỡ, ân đức bao trùm muôn cõi. Đức độ che chở mà vẫn bình đẳng.

Bệ hạ nay nếu có giận dữ, thì Pháp Lâm này cam chịu tội phân thân. Hoặc giả như nhờ ân đức chở che vũ lộ của bệ hạ, tha cho toàn xương cốt, thì về sau có biện luận, truyền hơn hai trăm điều. Hỏi thì không nói, có thiếu cũng không ghi thêm.

Đến ngày hai mươi vua lại ban sắc rằng:

Ông soạn “Biện Chánh Luận” để phá hủy Đạo giáo. Nói niệm Quán Âm dù đao kiếm có chém chặt cũng không thương tổn, nay để có điều linh ứng. Trăm gia hạn trong bảy ngày sẽ tha cho ông. Trong bảy ngày để cho ông niệm Phật. Đợi lúc hành hình xem đao có chặt thân ông được không. Pháp sư đã bị xiềng xích lại chịu các thứ bức bách, tro lạnh đất đầy khắp thân thể. Đến đêm thứ sáu, đang lúc quanh quẩn buồn bã trầm ngâm; nhìn vầng trăng sáng thì càng lặng lẽ, cảm khái kiếp phù sinh nường gởi, bỗng chốc rơi lệ, nhân đó mà làm thơ nói lên chí mình.

Mạng cỏ như sương rơi
Sống Nhẹ như cánh bướm
Thở than đêm trăng sáng
Khó đồng với người xưa.

Pháp sư gạt nước mắt xương thơ, rồi ngược nhìn trời mà than rằng:

Xưa Trâu Diễn bị cầm ở nước Tề. Yên Đan bị giữ ở nước Tần. Đâu chỉ riêng có Pháp Lâm này, mới chịu cảnh đời đổi vô chừng này sao? Nói đoạn, Pháp sư bỗng thấy vị thần nhân thân cao hơn trượng,

mặc y phục trắng đội mũ, nhảy qua tường rồi nói với Sư rằng.

Đã có thể vong thân vì đạo, sao lại buộc phiền não. Ở chốn tối tăm mà giữ tâm đạo, thì bao lao nhọc sẽ không còn, nói xong thì biến mất. Pháp sư liền cung kính, gieo năm vốc sát đất, mặc niệm Tam tôn, trong tâm tự nhiên rỗng rang không còn lo sợ.

Đến sáng ngày thứ bảy vua ban sắc cho bọn Lưu Đức Uy đến hỏi Pháp sư rằng:

Nay thời kỳ gia hạn đã đủ, đến lúc phải hành hành. Ông niệm Quán Âm có linh ứng gì không?

Pháp sư đáp rằng:

Từ cuối đời nhà nhiều nhường, bốn biển dậy sóng, dịch bệnh lan tràn, chiến tranh nổi dậy khắp nơi. Các tướng đem quân chinh phạt, còn các Quan nịnh, vua thì hoang dâm không lo việc trị nước. Giặc giã nổi lên che lấp hết vương lộ, chỉ cố giữ lấy mảnh đất ngoài biên ải. Thánh Hoàng ta khởi tâm diếu phạt, thống nhất cả thiên hạ. Xá bỏ hình phạt ở đô thị, đây chính là Quán Âm. Chôn cất hết thầy chết ở đình chợ chẳng khác gì Thế Chí. Luận công so đất này, chính là bậc thượng thánh. Pháp Lâm này trong bảy ngày qua chỉ nghĩ đến Bệ Hạ.

Bọn Lưu Đức Uy lại hỏi Pháp sư rằng:

Trước đã vâng sắc, khiến cho Thầy niệm Quán Âm, vì sao lại không niệm, mà nói chỉ nghĩ đến Bệ hạ.

Pháp sư đáp:

Lâm có nghe! Quán Âm thánh thường soi xét, biến hiện thân hình trong sáu đường. Trên trời, dưới đất đều làm khuôn phép, Thánh Thượng là bậc văn tư thông biện sáng suốt khắp cả trời biển. Cửu di (tru di sáu họ) vâng giữ chức, hình phạt tám biểu đều rõ ràng. Vua Thánh, bề tôi thì hiền tài thật không ửng soi sáng. Nay Bệ hạ nuôi dưỡng người dân như con, như trong kinh ấy chính là Quán Âm. Đã có sự linh ứng phù hợp nhau, cho nên Pháp Lâm chỉ nghĩ đến Bệ hạ. Chỉ vì Lâm này soạn luận để biện chánh tà. Cho là phù hợp với sách sử, một câu sai sót, mà cam chịu gia hình. Nếu Bệ hạ thuận trung thuận chánh, thì Lâm này sẽ không mất một mảy lông, nếu Bệ hạ lạm hình kẻ vô tội, Lâm này cũng chịu chết.

Bọn Đức Uy v.v... viết sớ tâu lên vua, vua đọc xong rất vui, cho mời Pháp sư vào hỏi:

Trẫm đã xem bài văn của Thầy đều cùng với Lão giáo, mà phát ra ý Phật mà đạo Phật thì kém còn đạo Lão thì hơn, nay trẫm chưa hiểu, Phật lớn, Đạo nhỏ. Không phải không rõ điều này. Nên nói hết những

điều hơn kém, để không còn nghi hoặc.

Pháp sư tâu rằng:

Tâu Bệ hạ! Lâm này nghe nói: Bậc diệu giác, thân thường trụ vốn không có sắc tướng, vì chúng sanh nên để lại dấu vết hình nghi. Cảm ứng với Hồng chung mà tùy âm thanh có lớn nhỏ, ứng với gương sáng mà cùng muôn vật tươi tỉnh. Nhưng do đạo quan nhị thiên lý vượt hơn trăm họ. Khuôn phép trước mắt mà khó lược nói hết. Cho nên Quan thái phó thời Hậu Hán là Trương Diễn nói ở Nam Nhạc với Đạo sĩ là Hạp Thiện Tín rằng:

Phàm giáo pháp ở bên Tây Vực, là do đấng Pháp Vương nói ra, độ khắp sáu đường, nhuần thấm cả hàm linh. Nếu ông có thể bỏ vọng về chân, gắng tâm học đạo. Còn như không tôn kính phụng trì, có thể gọi là luống độ cả trăm năm. Vô công mà trôi qua. Nếu ông xem thường không tôn kính, cũng có thể chuyên tâm nơi Hoàng Lão. Hoàng Lão tuy không phải là Pháp Vương, thì cũng là tuyển tập của bậc Thánh đời trước. Tuy đồng ngôn hạnh sâu xa của các nhà hiền triết, gá tánh vào nhà vô vi đạo đức. Xưa Hiếu Cảnh Hoàng Đế thường tu hành không mỗi một, Đạo giáo do đây mà hưng khởi. Các bậc trưởng thượng của trăm nhà hiền triết đều nghĩ kinh Phật là thứ yếu. Đến như Mao Thành Tử, Liệt Tử, Tuệ Tử.v.v... Đều theo học đạo tự nhiên tiêu diêu ngoài cảnh trần. Cũng cho Hoàng Lão là thứ. Ông có thể hăm mộ chăng?

Lại có Ngô Thượng Thư Lệnh Hám Trạch, nói với Ngô chủ là Tôn Quyền rằng:

Thần xét biết Phật là đấng Pháp Vương vô thượng, các thánh đều nương về. Lại giáo hóa tất cả muôn các loài chúng sanh Thật là sâu rộng như biển lớn, không thể xen lẫn với tà giáo khác. Soi sáng khắp nơi mà không mặt trời mặt trăng nào so sánh được.

Xúc cảnh thì hóa duyên, gặp vật đều được nương nhờ. Ở trong cõi trời, cõi người mà được tôn quý tự tại. Giả như trời có công che chở, đất có công mang vác, đều do các Đức Phật xây dựng mà tạo nên như vậy. Thần lại trộm nghĩ suy tâm, như Khổng Khâu nước Lỗ đó là bậc anh tài giỏi giang, thánh đức không ai bằng, đời gọi là Tố Vương, soạn ra kinh điển, lấy đây để huấn thị mọi người trong thời Chu Mạt; dạy dỗ nhân dân lúc cuối mùa. Đem đến cho Nho giáo sự khởi sắc xưa nay. Cũng là đạo ẩn thế an nhàn, như Hứa Thành Tử, Quảng Thành Tử, Nguyên Dương Tử, Quyên Tử, Tuệ Tử, Trang Tử v.v... Kinh sách của trăm nhà hiền triết đều tu tiên tự luyện ở núi non an nhàn vắng lặng, giữ tâm thông thái, học đạo đạm bạc. Mọi việc đều trái với khí tiết nhỏ lớn của

nhân luân. Cũng không phải phong cách an đời, dạy người. Thế nên người xưa thường không theo, bởi nghĩa đây vậy.

Đến thời vua Cảnh Đế nhà Hán, khảo sát cả trăm nhà hiền triết, vì Hoảng Tử, Lão Tử nghĩa thể sâu rộng, trong ngoài đều sáng tỏ thấu đạt cho nên đổi Lão Tử thành kinh; mới lập ra Đạo học, vua ban sắc cho trong triều ngoài nội đều đọc tụng kinh này. Nếu đem hai nhà Khổng, Lão ra so với Phật pháp, thì thật là cách xa vậy. Sở dĩ như thế, là do Khổng giáo thiết lập giáo lý, đều theo pháp trời mà chế dựng, mà không dám trái mệnh trời. Còn các Đức Phật lập giáo, pháp trời đều vâng làm, không dám trái với Phật. Nói theo đây thì, thật chẳng thể so sánh.

Ngô chúa nghe điều đó, mới hỏi Hám Trạch rằng:

Ông học rộng thông hiểu mọi chuyện, nên nay phong cho ông làm Thái phó cho Thái tử, lại lãnh thọ chức Thị Trung Thượng Thư như xưa.

Vào thời Lương Vũ Đế, cho hội Tam giáo lại rồi làm thơ rằng:

*Tuổi nhỏ học Chu, Khổng
Thông hết cả sáu kinh
Trung niên xem sách Đạo
Có tiếng và không tiếng
Tuổi già xem kinh Phật
Như trời giữa các sao*

Lại xét trong Đại phu Tống Quang Lộc nói rằng:

Việc ba đời của nhà Phật, tin mà có chứng cứ. Muôn hạnh đều trở về không. Há là so với chín kinh bác học của trăm nhà hiền triết? Dù là Nghiêu, Thuấn, Chu Khổng, Lão Trang cũng không thể hơn được.

Lại trong Mâu tử luận nói:

Sự giáo hóa của vua Nghiêu, Thuấn, Chu, Khổng, Lão Thị, so với Phật, dù như nai trắng sánh với kỳ lân.

Lại, vào đời Hậu Chu có Vương Tự Đình nói rằng:

Nghĩa của đạo gia thì như thân thể mà xả bỏ hết sự thông minh, bỏ cả nghĩa nhân, lìa xa hình trí. Bên Tây Vực có giáo lý của Thích Ca, thấy khổ mà dứt tập, tu đạo chứng diệt, rõ suốt nhân quả; lìa phàm chứng thánh. Đây chính là chỗ cùng cực của giáo lý.

Lại ở trong sách “Giam Ngu Thế Nam Đế Vương Lược Luận” có nói:

Nghĩa của Lão Tử thì cốt thần bất tử, huyền đạo lại còn mãi. Nhìn thấy sống lâu mà nương rộng cõi hạc. Còn giáo lý của Thích-ca hữu, không đều chẳng dính mắc, nhân ngã đều quên. Ra khỏi sanh tử mà trở

về vắng lặng. Đây là bàn về hình tượng bên ngoài. Vả lại dấu vết hơn kém, huấn thị lại như thế, mà dẫn đến sự lớn nhỏ cũng từ đây.

Tâu Bệ hạ! Trước khi chưa có chiếu chỉ thì Phật lớn, Đạo nhỏ. Sau khi ban chiếu rồi thì Đạo lớn, Phật nhỏ. Lớn nhỏ hơn kém nghĩa chính là đây vậy.

Cúi mong Bệ hạ là bậc chí đức thông thần, ban ân đức đối với tăng lữ. Đạo nghĩa gần như cực thánh. Mặt trời mặt trăng soi sáng nơi huyền môn, tiếng vang trần thế. Chỉ có Pháp Lâm mạo phạm dám thuật lại cực chương làm phiền lòng Thánh Thượng.

Vua thấy Pháp sư đối đáp trôi chảy thì truyền lệnh tha về.

Bấy giờ, có Quan Hiến Tư tâu rằng;

Pháp không thể bỏ qua, nước có luật hình. Tội chê bai phạm thượng, đáng xử trị.

Vua nói:

Pháp Lâm tuy chê bai Tổ Tông của trẫm, không phải là không có chứng cứ. Nay đặc xá cho tội trạng. Đày ra Ích Bộ làm tăng.

Pháp sư được thả về, trong lòng không tự vui bèn làm bài “Điệu Khúc Nguyên Thiên” để bày tỏ chí của mình.

Thơ nói rằng:

*Vì đạo trời rất âm chừ
 Sự ngang trái bao đời
 Khiến cho Khuất Nguyên lòng trung chánh chừ
 Mà được thả về
 Nịnh thần đua nịnh chừ
 Ngôi vị hiển danh
 Lời thẳng không kiêng kỵ chừ
 Thì gặp tai ương
 Ngọc chưa giữa còn ẩn trong đá chừ
 Đá yển làm châu báu
 Tây thi sắc đẹp mà bất hạnh
 Mô Mẫu trông thấy
 Nhủ lòng nghĩ nhớ Khuất Nguyên chừ
 Học thức sâu rộng
 Quân vương chẳng xét
 Lòng trung chánh chừ
 Nghe lời nịnh thần vu báng
 Đuổi ra khỏi nước chừ
 Tự hôn mê che đức*

*Yến Tô bỏ nơi hoang dã chừ
 Muôn vật sinh sôi
 Chim kêu ở trong rừng chừ
 Phượng loan ẩn dấu
 Lang Sói tung hoành khắp ngã chừ
 Lân Phụng dấu mình
 Chim muôn còn muốn nhớ ân đức chừ
 Bị phá tổ mà bay cao
 Kỳ Lân còn vui với đạo chừ
 Thấy bát nhân liên bay đi
 Lời trung can ngăn không lọt chừ
 Ky Tử giả điên
 Đỗ Bá dùng lời ngay chừ
 Đều gặp tai ương
 Tỷ Can chánh trực bị mổ tim chừ
 Ngũ Tử Tư lòng trung mà bị móc mắt
 Khuất Nguyên thanh bạch chừ
 Trầm mình nơi sông Mịch La*

Bấy giờ chư tăng ở Kinh Ấp nói với Pháp sư rằng:

Không thể yên tĩnh tu duy, tinh thần lắng đọng, cầu thoát sanh tử, mà soạn “Phá Tà Biện Chánh” phạm tội với triều đình. Khiến cho chúa Thượng nổi giận, Thích giáo bị lật đổ. Nếu ông trình bày rõ ràng thì đầu đến nỗi phải bị đày đến Kiến Nam. Nếu có công với Phật pháp thì đầu bị lãng trì như thế.

Pháp sư nghe lời này bèn nói với các bạn đồng tu rằng:

Pháp Lâm nghe rằng vua lo buồn thì thần nhục, vua nhục thì thần vong. Bài dịch nói chư tăng là gã đầu trọc, Phật là quỷ nước Hồ. Nghe lời này khó ai mà chịu được. Đến như bực Đại đức như mây, danh tăng như mưa, dù đất dẫn bốn hàm tám tạng. Tôi đem bút văn để luận biện, luống giải Tam thừa ngũ bộ thì đặt lời nói ở chỗ nào! Pháp Lâm này không lượng mình tài sơ đức bạc, mà muốn buộc lấy giềng mối; nên mới sưu tầm sách xưa mà biên tập lại. Để cho người hiểu được mà bỏ hết lời tà mị. Người tin thì biết rõ lớn nhỏ, chân ngụy mà theo.

Khi vua ban sắc cho Pháp Lâm về Ích Bộ; cũng thành ra phạt tội.

Đối với Pháp Lâm, Phật pháp ngày nay vẫn được bình yên, đây đâu gọi là đảo ngược. Xưa, Khuất Nguyên bị lời sàm tấu mà trầm mình xuống sông; há là chẳng phải vì lòng trung. Biện Thị hiến ngọc mà bị gia hình. Ai nói là lầm lỗi. Đây là do gặp thời vua biết dùng hay không

biết dùng. Khuất Nguyên nhờ trâm mình, nên khúc ly tao mới được thanh hành. Biện Thị bị gia hình mà Liên Thành còn vật báu, nhưng dòng nước xanh thướt tròn há lại không oán hận. Người đời thật không hiểu ta vậy.

Nói xong, thì để rơi vài giọt lệ, nhân đó mà làm thơ rằng:

*Bẩm thừa chí Khuất Nguyên
Không thử lòng ngư phủ
Hỏi rằng gặp thời chuyển
Đáp là thẳng như dây*

Ngâm xong nghẹn ngào rơi lệ nói:

Pháp Lâm cũng không gặp thời nên nay bị đày về Nam, ít gặp các bậc hiền đức. Chỉ gởi lại lời thơ để xét việc sanh tử. Bấy giờ, các Đạo tục đều đến đưa tiễn, đông đảo khắp chốn kinh kỳ, đều kính trọng như thần minh. Pháp sư từ biệt mọi người lên xe đi, lại làm thơ rằng:

*Phi ý thì chẳng tội
Lìa bạn lại lìa thân
Núi sông cách muôn dặm
Nhọc nhằn thân bầy thước
Du hồn nơi đất Sở
Lòng riêng nhớ cõi Tân
Chẳng phải kẻ biết nhau
Ai thương tử biệt người*

Tháng sáu mùa Hạ năm Đinh Mão, Pháp Lâm chùa Bồ-đề ở Bách Lao Quan, vì bị bệnh lý rất nặng không chữa được. Lúc gần lâm chung thì than rằng:

Đại trượng phu mang thân bọt huyễn này, có niềm tin mà vô dụng, quán sát như sương sớm. Thật là đáng chán! Vốn muốn tử đạo để lập thân, mà không được toại chí. Khóc Phụng thương Lân, lẽ nào lại không buồn thương.

Nói xong thì thị tịch, đó là ngày hai mươi ba tháng bảy mùa Thu niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn. Thọ sáu mươi chín (69) tuổi, Tăng tục lo an táng, như an táng cha mẹ, chôn Ngài trên núi Đông Sơn, xây ngôi tháp trắng cao. Hành lữ qua lại viếng thăm đều thương tiếc. Dân chúng khắp nơi biết đều rơi lệ. Nhưng Pháp sư nghề nghiệp vốn đã đầy đủ. Văn từ thế hiệu đều gọi là bậc Học hải. Hoặc đoán gió nhìn trăng mà ngâm vịnh; ngắm lan mùa Xuân, cúc mùa Thu. Thể vật duyên tình đều rất rục rở. Những sách Pháp sư bí mật làm lúc ở phương Nam, danh vang cả xưa nay. Bền sưu tập văn từ của Pháp sư, để dẫn giải ra đây.

Nếu các việc thần diệu vô phương chẳng trừ tính đo lường đến chỗ lý cùng cực thì chẳng có sự chuẩn mực nào mà có thể biết được chỗ thường đạo vô ngôn. Đây là bến bờ an ổn có thể nương theo đó mà ra khỏi sanh tử, đến nơi an vui giải thoát. Còn như các kinh sách về năm môn năm độ, giáo pháp Bán tự, nhất thừa, chín dòng trăm họ, ba động kiếm v.v... thì làm sao có thể dùng kinh vĩ của Khổng Tử để mở mang cơ đồ, há có thể đem hết tâm lực mà đạt được cảnh giới đó sao? Anh minh tài giỏi đời có được mấy người. Pháp sư thuở nhỏ học thông cả Tam luận, nổi tiếng khắp trong triều ngoài nội. Lớn lên lại giỏi hết các kinh sách, lưu tiếng xa gần, uy nghi trang nghiêm cung kính, khí tiết thông suốt sâu xa. Đem đạo lý cao siêu mà soi cùng xưa nay, tỷ như đất mùa xuân ẩn dụng mà hiển nhân. Như ngu như ngọng mà có công lực, ngoài tối mà trong sáng suốt. Cố nhiên trí có thể đồng với đại dương mà Đạo lại đầy đủ khắp cả cõi trời, người. Há đâu chỉ soi sáng ở chỗ sông núi mà thôi. Văn tình như thế, có điển chương mà không theo khuôn mẫu, rực rỡ mà vẫn có phép tắc, dụ như tám âm cùng tấu lên. Các dây năm màu đều tương ứng, Đạo hạnh thì thâm nạp chánh kiến đối với ba không, cứu vớt chúng sanh ở trong tám khổ. Học hạnh sâu xa mà tâm lại khiêm hạ, cũng giữ vẻ cung kính mà lại cao thâm. Thật là rường cột của họ Thích. Là bậc thiện nhân đây nghi vũ vậy. Lại thêm cứu khổ phò nguy, trước người rồi sau mới tới mình. Trọng Phong Quang mà soi sáng cửa Thiền lâm ở nơi Sơn thủy, đem đạo pháp đến chốn xa xôi. Đem nguyện lực cứu giúp hết các loài chúng sanh.

Vào những năm cuối niên hiệu Khai Hoàng đời Tùy thì ở ẩn trong động Quỷ Cốc núi Thanh Khê, trên ngọn núi cao, mà che hết mặt trời, mặt trăng. Ở chốn cao mà nuốt hết mây gió. Giữa chốn không gian đem cỏ năm màu mà đón rước. Đi trong tám thiền mà ngồi nghỉ. Vui trong tùng bách giữa khe xanh. Ăn cây trái, ở sơn động, đều chấp tay quy y, xoa đánh hỏi đạo, kinh hành điềm tĩnh hơn mười năm trong chốn thanh tịch. Nhưng mà ở rừng núi vọi vọi hiểm trở, tùng bách bao la nơi hoang dã, theo gương người xưa. Ở chốn núi sâu hang rừng không người biết, Ngài liền soạn bài “Thanh Khê Sơn Ký” một quyển. Khi thấy lưu hành ở đời sách này, Thái Sử khiến cho truyền hịch. Người soạn bài này vì học nghiệp thấp kém, sự hiểu biết chưa đủ nên xuyên tạc cho bài của Pháp sư là đoản thiên, lãng mạ Chánh giác. Pháp sư vì lòng xót thương kẻ hậu côn, lại chọn ra bộ luận “Phá Tà” một quyển. Tuy biết bọn họ sàm tấu, dâng biểu lên triều đình. Ngựa tốt ngựa xấu cùng chạy trên đường ngàn dặm, cuối cùng thì sắc màu dù trong dù đục cũng được chia

dòng, trách gì bọn phàm nhân muốn làm thánh, kẻ tục lại muốn sanh với chân. Cho nên ngài mới dẫn văn chứng lý, chẳng phải Đạo giáo thì Nho, văn cú đều thâm sâu, ý chỉ thì nghiêm mật. Nên được truyền chép không cùng, lưu bố nơi đời, như vạch mây mà thấy được mặt trời, kẻ cùng mê mà gặp được đạo pháp. Sự soạn thuật của Pháp sư chính là phù hợp với tánh mà lại đúng lý. Vì bị đè nén nên phần nhiều đều bị sót mất. Nay xét lại thì còn các bài thi phú bia chí, những bài tán tụng châm ngôn, ký truyện, khảo luận, và tam giáo hệ phổ, Thích Lão Tông Nguyên.v.v... hợp lại thành ba mươi quyển.

Pháp sư cùng với người giúp việc tình như nước bạc, nghĩa tựa kim lan tuy, cung các đạo tục có khác. Mà tánh tình đôn hậu. Hai vị biên chép, nối kết thành chương mục thứ tự, đều là những lời hay ý đẹp. Tiếng tốt vang xa, truyền khắp trong đạo tục, lưu bố xa gần.

Thích Ngạn Tông có lời khen kinh Dịch rằng:

“Đạo cực sanh lưỡng nghi, Lưỡng nghi sanh tứ tượng”. Lão Tử nói vô danh là nguyên thủy của trời đất. Hữu danh là mẹ của muôn vật. Nói đạo nói đức, luận hiếu luận trung. Đây là chỗ đạt đến những lời chí ngôn trong phương nội. Còn lời đại huấn của Phật giáo, ngoài sự nghe nhìn về tứ đức thường thân, trước là vì hình khí nhất như bất động. Vì muốn cứu giúp muôn loài mà gá thân ở nước Ca-đuy, làm lợi ích cho chúng sanh cõi Diêm-phù, dựng cao cây đạo, Phật là đáng đã tịnh năm nhãn mà thông cả ba minh, đầy đủ sáu thông, mà viên thành muôn đức. Soi sáng ánh đạo vàng nơi thế giới Ta-bà, phóng hào tướng ở phương khác. Rung chuyển mặt đất làm kinh hồn mê chúng. Vang pháp âm mà kinh hãi muôn loài. Đầu tiên thì đem pháp vũ đến những nơi hoang dã, soi sáng hàng tiểu căn. Cuối cùng thì đem Đại pháp đến chốn Hạc Lâm, thấm nhuần cả đại thọ. Trong thời gian đó thì tam tà đều bị hàng phục. Bỏ hỏa cụ ở nơi chốn Thiên hà, mười loại đều quy tâm. Gọi dòng trong ở nơi đất phước. Từ khi pháp âm vắng tiếng, mặt trời Phật cũng mất dần ánh sáng. Đại nghĩa pha lẫn với tà phong muôn phần dữ dội. Khi ấy thì có Đề-bà, Đồng Thọ, tiếp nối giềng mối đạo. Rồi ngài Long Thọ, Mã Minh giữ gìn đạo pháp. Đến khi vua nằm mộng cảm thấy được người vàng, rồi Tần Thái du tây. Ngọc Mã đi về hướng Đông, cùng với ngài Ma-đăng, Pháp Lan. Thì có chín tiên tả đạo cùng nghị luận ở kinh kỳ. Bọn Ngũ nhạc tà đồ cùng khuấy động triều đình. Lại còn khoe khoang văn điển cao siêu, muốn đem đom đóm mà sánh với trời xanh. Tiến cử cỗ bao cỗ tranh, Lan Công không thể sánh với Lục thao. Hướng gió ngậm ngọc mà được chở che bởi không huyền ngũ vân. Nơi sân sương

mù hóa đầy bảy chất báu. Lúc này kẻ bỏ thế tục theo đạo rất nhiều, người theo Đạo giải thoát như gió thổi bạt hết cỏ. Lúc này đạo pháp được mở mang, mặt trời Phật mới lên cao.

Bọn mục dã ngoại đạo không thể so sánh. Từ đó, danh tăng Kỳ thỉnh thoảng xuất hiện. Xem lại sách sử phả diệp; thì đạo pháp soi sáng khắp vùng. Lấy gương trí mà tung hoành. Trên thì có Hiền Công, ôm pháp màu mà thẳng tiến, bẻ Khương Bân ở nước Ngụy, Thăng Lục Tĩnh ở nhà Tề, giúp thân vũ trong một đời, lưu danh tiếng cả ngàn năm. Vượt Đại Đường mà có dân chúng, vượt Tam Hoàng, qua Ngũ Đế. Mẹ vua Nghiêu, vua Thuấn mà con của Thành Khang. Ánh đạo soi khắp tám miền, vua đến muôn nước, mở mang lời dạy của Ngọc Cổ Pháp Lãi, làm cho mặt trời Phật lên cao, chiếu sáng gương vàng.

Bấy giờ, có Phó Lưu dùng lời vọng mị, nói pháp này cùng hổ tương như môi với răng. Mà Pháp sư lòng nhỏ lượng cao, chí muốn cứu hết loài hung bạo. Cho nên sưu tập mọi điển chương để viết thành văn lý, treo cao cả mặt trời mặt trăng, đạo tục đều rõ ràng. Đem khí lành cho bốn sanh; chiếu trí tuệ trong ba cõi. Để cho đỡ lam phân biệt, tà chánh rõ ràng, nên mới mạnh dạn nói lên những lời chân thật. Tôi đã từng ở bên Ngài nghe được luận này, nghĩ đến công đức của người nên mạo phạm ghi chép lại. Còn như thi phú làm ra, trình độ bia ký biểu chương, lại bao gồm những văn hoa cao đẹp; phân biệt rõ ràng.

Chẳng phải đây từng nói rằng:

- Viết lại những lời của Phật thánh, ghi lại sách sử của Đấng Pháp Vương. Như đem thiên mạng soi sáng đại đạo, lại chớ hết mọi điều thấy đem làm thật lục. Ngõ hầu đạo hạnh của người trước soi sáng cho kẻ hậu sanh. Cũng là bổ khuyết cho sử sách tăng già; để lưu lại ân đức của Pháp sư.

Đường Hộ Pháp, Sa-môn Pháp Lâm Biệt Truyện Quyển Hạ
(Hết)